

Số: 07/2018/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 18 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức phân bổ và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VII - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 833/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định định mức phân bổ và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định về định mức phân bổ và mức chi kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Định mức phân bổ, mức chi và nguồn kinh phí thực hiện

1. Định mức phân bổ kinh phí

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế

Cấp tỉnh: 10 triệu đồng/văn bản;

Cấp huyện: 08 triệu đồng/văn bản;

Cấp xã: 06 triệu đồng/văn bản.

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung

Cấp tỉnh: 08 triệu đồng/văn bản;

Cấp huyện: 6,4 triệu đồng/văn bản;

Cấp xã: 4,8 triệu đồng/văn bản.

2. Mức chi kinh phí cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (*Có phụ lục chi tiết kèm theo*)

3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được phân bổ trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

4. Các quy định khác thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Bãi bỏ Phụ lục I mức chi cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị “Quy định mức chi đối với công tác xây dựng, hoàn thiện, kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp”.

4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị, Khóa VII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VPQH, VPCP, Bộ Tư pháp;
- TU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH, BCHQS, BCHBĐBP, Công an, Viện KSND, TAND tỉnh;
- VPTU, VPHĐND, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT HĐND tỉnh, BPC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục
MỨC CHI KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ BẢO QUẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (Đơn vị tính: đồng)		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	a Văn bản mới hoặc thay thế	Đề cương	950.000	760.000	600.000
	b Văn bản sửa đổi, bổ sung	Đề cương	650.000	520.000	400.000
2	Chi soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân				
	a Văn bản mới hoặc thay thế	Dự thảo	3.200.000	2.560.000	2.000.000
	b Văn bản sửa đổi, bổ sung	Dự thảo	2.700.000	2.160.000	1.700.000
3	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản				
	a Báo cáo tổng hợp ý kiến				
	Văn bản mới hoặc thay thế	Báo cáo	250.000	200.000	160.000
	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Báo cáo	150.000	120.000	100.000
b	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý				
	Văn bản mới hoặc thay thế	Báo cáo	350.000	280.000	220.000
	Văn bản sửa đổi, bổ sung	Báo cáo	250.000	200.000	160.000
c	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo				
	Đối với dự thảo nghị quyết mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân	Báo cáo	350.000	280.000	220.000

	Đối với nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung	Báo cáo	200.000	160.000	120.000
d	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản	Báo cáo	Không quá 6.000.000		
đ	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật				
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề	Báo cáo	5.000.000	4.000.000	3.200.000
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất	Báo cáo	3.000.000	2.400.000	1.900.000
	Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp	Báo cáo	3.400.000		
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp	Báo cáo	1.700.000	1.700.000	
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp	Báo cáo		900.000	900.000
4	Chi soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật				
a	Văn bản góp ý				
	Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội mới hoặc thay thế	Văn bản	1.000.000	800.000	640.000
	Đối với dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết, nghị quyết liên tịch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều	Văn bản	700.000	560.000	450.000
	Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định	Văn bản	250.000	200.000	160.000



	của Ủy ban nhân dân				
	Đối với các văn bản còn lại	Văn bản	500.000	400.000	320.000
b	Báo cáo thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo	500.000	400.000	
5	Chi chính lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, bản thuyết minh, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản	Lần chính lý	200.000	160.000	120.000
6	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định văn bản, điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật				
a	Chủ trì	Người/cuộc họp	150.000	120.000	100.000
b	Các thành viên tham dự	Người/cuộc họp	100.000	80.000	70.000
c	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	Văn bản	200.000	160.000	120.000
7	Chi lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập				
	Trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến kế hoạch xây dựng văn bản QPPL; thuyết minh, tờ trình, dự thảo văn bản QPPL và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập	Báo cáo	1.000.000	800.000	640.000

CHÍNH SÁCH